

TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2024

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp với nhiều yếu tố bất định, khó lường. Căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự tiếp tục leo thang, đồng thời chủ nghĩa bảo hộ thương mại có xu hướng lan rộng. Tuy nhiên, kinh tế thế giới ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực khi hoạt động thương mại hàng hóa từng bước phục hồi nhờ nhu cầu tiêu dùng gia tăng, thị trường lao động khởi sắc, tỷ lệ thất nghiệp giảm dần.

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng; sự phối hợp kịp thời chặt chẽ, hiệu quả của Quốc hội, các cơ quan trong hệ thống chính trị; sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự quyết liệt của chính quyền Thành phố trong tháo gỡ các điểm nghẽn khó khăn, đồng thời đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, nâng cao chất lượng hành chính công phục vụ cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn, kinh tế thành phố tiếp tục đà phục hồi với mức tăng trưởng khá. Khu vực dịch vụ tiếp tục giữ vai trò là động lực thúc đẩy kinh tế thành phố, ngành công nghiệp từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực sang các ngành công nghiệp công nghệ cao. Đời sống dân cư ngày càng ổn định, an sinh xã hội được đảm bảo, trật tự an toàn tiếp tục được giữ vững.

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh năm 2024 tăng 7,17% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,13%; khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 6,89% và khu vực dịch vụ tăng 7,70%.

Quy mô GRDP theo giá hiện hành đạt 1.778.271 tỷ đồng, tương đương 73,6 tỷ USD, tiếp tục duy trì cơ cấu hiện đại: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 0,47%, khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 21,69%, khu vực dịch vụ chiếm 65,47%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 12,37%; GRDP bình quân đầu người đạt 186,3 triệu đồng, tương đương 7.711 USD (Năm 2023 đạt 7.169 USD).

2. Thu, chi ngân sách Nhà nước, ngân hàng và bảo hiểm

Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2024 ước tính đạt 508.553 tỷ đồng, tăng 13,3% so với năm 2023. Trong đó, thu nội địa đạt 356.840 tỷ đồng chiếm 70,17% tổng thu, tăng 17,6%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 129.600 tỷ đồng chiếm 25,5%, tăng 7,0%. Tổng chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước tính đạt 173.289 tỷ đồng, tăng 20,8% so với năm 2023, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 89.595 tỷ đồng, tăng 28,3%, chi thường xuyên 82.532 tỷ đồng, tăng 13,7%.

Ngành ngân hàng trên địa bàn tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo tăng trưởng tín dụng ổn định, góp phần hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế. Các tổ chức tín dụng đẩy mạnh tái cơ cấu lại thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ cho doanh nghiệp khó khăn, nâng cao chất lượng dịch vụ, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ, đảm bảo an toàn, bảo mật trong các giao dịch ngân hàng. Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến ngày 31/12/2024 đạt 4.081,5 nghìn tỷ đồng, tăng 15,3%. Trong đó, tiền gửi bằng đồng Việt Nam đạt 3.650 nghìn tỷ

đồng, tăng 11,7%. Tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến ngày 31/12/2024 đạt 3.943 nghìn tỷ đồng, tăng 11,3%. Trong đó, dư nợ ngắn hạn ước đạt 1.869,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 47,4% tổng dư nợ tín dụng, tăng 10,1%, dư nợ trung hạn, dài hạn ước đạt 2.073,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 52,6% tổng dư nợ, tăng 12,5%.

Tổng số thu bảo hiểm năm 2024 đạt 95.101 tỷ đồng, tăng 10,5% so với năm 2023. Trong đó, thu bảo hiểm xã hội đạt 70.958 tỷ đồng, tăng 10,0%; thu bảo hiểm y tế đạt 18.413 tỷ đồng, tăng 13,5%; thu bảo hiểm thất nghiệp đạt 5.731 tỷ đồng, tăng 7,7%. Tổng chi bảo hiểm năm 2024 đạt 65.860 tỷ đồng, tăng 11,8% so với năm 2023. Trong đó, chi bảo hiểm xã hội đạt 35.358 tỷ đồng, tăng 13,1%; chi bảo hiểm y tế đạt 25.510 tỷ đồng, tăng 12,5%; chi bảo hiểm thất nghiệp đạt 4.992 tỷ đồng, tăng 0,4%.

3. Đầu tư

Tổng vốn đầu tư năm 2024 theo giá hiện hành đạt 397.964 tỷ đồng, tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP đạt 22,4%, trong đó, khu vực Nhà nước đạt 96.085 tỷ đồng, chiếm 24,1%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 258.255 tỷ đồng, chiếm 64,9%; khu vực đầu tư nước ngoài đạt 43.624 tỷ đồng, chiếm 11%. Tổng vốn đầu tư xã hội năm 2024 theo giá so sánh 2010 đạt 256.373 tỷ đồng, tăng 8,2% so với năm 2023, trong đó, khu vực Nhà nước đạt 61.571 tỷ đồng, tăng 10,5%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 166.266 tỷ đồng, tăng 9% và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 28.536 tỷ đồng, giảm 0,4%.

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần năm 2024 là 3.041 triệu USD, giảm 49,2% so với năm 2023. Trong đó có 1.416 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 511 triệu USD, tăng 14,7% về số dự án và giảm 19% về vốn so với năm trước. Điều chỉnh tăng vốn đầu tư có 237 dự án với số vốn tăng thêm đạt 1.020 triệu USD; góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài 2.418 trường hợp với tổng giá trị góp vốn là 1.510 triệu USD.

4. Chỉ số giá

Trong năm 2024, thành phố tiếp tục triển khai Chương trình bình ổn thị trường, theo dõi sát sao tình hình diễn biến giá cả trên thị trường, đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, phân phối hàng hóa. Theo đó, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,24% so với năm 2023.

Trong đó có 01/11 nhóm hàng giảm là bưu chính viễn thông giảm 2,63%; 10/11 nhóm còn lại có chỉ số tăng với mức tăng cao nhất là nhóm giáo dục tăng 8,25% do một số trường điều chỉnh mức học phí; kể đến là nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,89% chủ yếu với nguyên nhân do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT từ ngày 17/11/2023 và Thông tư số 21/2024/TT-BYT từ ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế.

Chỉ số giá vàng bình quân năm 2024 tăng 19,59% so với năm 2023. Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2024 tăng 4,84% so với năm 2023.

5. Kết quả sản xuất, kinh doanh một số ngành, lĩnh vực

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp Thành phố tiếp tục phát triển theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, tập trung vào cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện đô thị hóa. Đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm nông nghiệp an toàn, bền vững, tăng cường liên kết vùng, chuyển đổi số trong sản xuất.

Tổng diện tích các loại cây trồng đạt 38.686 ha, giảm 1% so với năm 2023. Trong đó, diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 33.539 ha, tăng 0,6% và diện tích hiện có cây lâu năm là 5.147 ha, giảm 6,3%. Diện tích gieo trồng lúa 17.831 ha, tăng 11,3%; hoa lan là 568 ha, giảm 6,2%. Sản lượng lúa đạt 97.140 tấn, tăng 12,5%; năng suất đạt 54,5 tạ/ha, tăng 1,1%; sản lượng hoa lan là 53,4 triệu cành, giảm 4,4%.

Tổng đàn chăn nuôi trên địa bàn có xu hướng giảm do tốc độ đô thị hóa ngày càng cao, đàn trâu có 2,2 nghìn con, giảm 31,3%; đàn bò 88,7 nghìn con, giảm 10,1%; đàn lợn có 160,6 nghìn con, giảm 12,6%; đàn gia cầm có 330,8 triệu con, giảm 5,8%. Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt 498,5 tấn, giảm 3,8%; thịt bò hơi xuất chuồng đạt 8.290,3 tấn, giảm 12,5%; thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 55.771 tấn, giảm 2,5%.

Sản lượng thủy sản đạt 61.556 tấn, tăng 1,8% so với năm trước. Trong đó, sản lượng thủy sản khai thác đạt 12.921 tấn, chiếm 21% tổng số, giảm 1,9%; sản lượng nuôi trồng đạt 48.635 tấn, chiếm 79%, tăng 2,8%. Sản lượng tôm đạt 14.423 tấn, tăng 3,7%; cá đạt 16.063 tấn, tăng 3,9% và thủy sản khác là 31.069 tấn, giảm 0,1%.

Công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của toàn ngành năm 2024 tăng 7,28% so với năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 67,53%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,94%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 5,53%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,47%.

Xét theo ngành cấp 2, có 22/30 ngành tăng so với năm trước. Trong đó, một số ngành có mức tăng cao như: in, sao chép bản in các loại tăng 28,68%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 22,82%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 22,63%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 20,28%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 13,07%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 10,37%... Một số ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp giảm như: sản xuất xe có động cơ giảm 31,58%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 23,5%; sản xuất kim loại giảm 7,92%...

Thương mại và dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 đạt 1.206,4 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm trước. Xét theo ngành kinh doanh, bán

lễ hàng hóa đạt 521,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 43,3% tổng mức và tăng 10,2% so với năm trước; dịch vụ lưu trú, ăn uống 132,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,0% và tăng 10,6%; du lịch lữ hành đạt 36,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,0% và tăng 43,4%; dịch vụ khác 515 nghìn tỷ đồng, chiếm 42,7% và tăng 8,3%.

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ năm 2024 đạt 526.377 tỷ đồng, tăng 31,4% so với năm 2023. Trong đó, doanh thu vận tải đường bộ đạt 91.935 tỷ đồng, tăng 12,5%; vận tải đường thủy đạt 32.564 tỷ đồng, tăng 15,7%; vận tải đường hàng không đạt 66.309 tỷ đồng, tăng 8,9%; hoạt động kho bãi đạt 20.360 tỷ đồng, tăng 2,8%; hoạt động vận tải khác đạt 312.431 tỷ đồng, tăng 50,5%.

Vận tải hành khách đạt 608,9 triệu lượt khách, tăng 0,8% so với năm 2023 và số lượt hành khách luân chuyển là 19.949 triệu lượt khách.km, tăng 4,4%. Vận tải hàng hóa đạt 298,2 triệu tấn, tăng 10,4% và số lượt hàng hóa luân chuyển là 174.034,8 triệu tấn.km, tăng 16,5%.

6. Một số vấn đề xã hội

Dân số, lao động

Dân số trung bình năm 2024 đạt 9,54 triệu người, tăng 0,9% so với năm 2023. Trong đó, dân số tại khu vực thành thị chiếm 77,8% với 7,43 triệu người, tăng 1,2%; dân số tại khu vực nông thôn chiếm 22,2% với 2,11 triệu người, tăng 0,1%. Chia theo giới tính, dân số nam chiếm 48,5% với 4,62 triệu người, tăng 0,9% và dân số nữ chiếm 51,5% với 4,92 triệu người, tăng 0,9%.

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế của Thành phố đạt 4,75 triệu người, tăng 1,9% so với năm 2023. Theo loại hình kinh tế, khu vực Nhà nước chiếm 7,7%, giảm 2,8%; khu vực ngoài Nhà nước chiếm 83,7%, tăng 2,2% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 8,6%, tăng 3,4%. Theo ngành kinh tế, khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm 32,9%, tăng 0,8%; khu vực dịch vụ chiếm 65,9%, tăng 2,6%.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi là 3,40%, trong đó khu vực thành thị là 3,42% và khu vực nông thôn là 3,34%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi là 1,06%, trong đó, khu vực thành thị là 1,23% và khu vực nông thôn là 0,50%.

Năm 2024, thu nhập bình quân đầu người 1 tháng chung toàn thành phố theo giá hiện hành đạt 7.106 nghìn đồng, tăng 9% so với năm 2023. Đời sống dân cư ngày càng được cải thiện, các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội tiếp tục phát huy hiệu quả.

Trật tự và an toàn xã hội

Trong năm, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 1.462 vụ tai nạn giao thông, giảm 4,9% so với năm 2023; làm chết 475 người, giảm 20,7%. Số vụ cháy, nổ là 437 vụ, giảm 11,4% so với năm 2023; làm chết 16 người, tăng 45,5% và bị thương 21 người, tăng 75%. Tổng tài sản thiệt hại do cháy nổ là 12,1 tỷ đồng, tăng 37,5% so với năm 2023.

Khái quát lại, tình hình kinh tế - xã hội Thành phố trong năm 2024 tăng trưởng và phục hồi ổn định với nhiều kết quả tích cực: Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2024 đạt 7,17%, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,28%, tổng mức bán lẻ tăng 10,2%, chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát với mức tăng 3,24%. Với sự chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị, hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn duy trì ổn định, tạo động lực tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Các ngành, lĩnh vực đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; lao động, việc làm và an sinh xã hội được bảo đảm. Nhiều hoạt động văn hóa, thể thao diễn ra sôi nổi, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và thu hút khách du lịch đến thành phố.

OVERVIEW ON SOCIO - ECONOMIC SITUATION IN HO CHI MINH CITY IN 2024

In 2024, the global situation remained complex with many unpredictable and uncertain factors. Geopolitical tensions and military conflicts escalated, while trade protectionism continued to expand as many countries. Nevertheless, the global economy showed several positive signals as merchandise trade gradually recovered due to increasing consumer demand, improving labour markets, and decreasing unemployment rates.

In this context, under the leadership of the Communist Party; the timely, close, and effective coordination of the National Assembly and other bodies within the political system; the guidance and governance of the Government and the Prime Minister; and the determined efforts of Ho Chi Minh City's authorities to address local bottlenecks, vigorously implement administrative reforms, and strongly promote digital transformation to improve public administrative services for citizens and businesses, the city's economy continued its recovery momentum with a relatively strong growth rate. The services sector remained the main driving force of the city's economic growth, while the industrial sector gradually shifted in a positive direction toward high-tech industries. Residents' living standards continued to stabilize, social welfare was ensured, and public order and safety were consistently maintained.

1. Economic Growth

Ho Chi Minh City's Gross Regional Domestic Product (GRDP) in 2024 at constant prices grew by 7.17% compared to the same period last year. The agriculture, forestry, and fishery sector increased by 0.13%; the industry and construction sector rose by 6.89%; while the service sector expanded by 7.70%.

At current prices, the GRDP was estimated at 1,778,271 billion VND, equivalent to 73.6 billion US dollars, maintaining a modern economic structure. The agriculture, forestry and fishery sector accounted for 0.47%, the industry and construction sector for 21.69%, the service sector for 65.47%, and product taxes less subsidies on production for 12.37%. Gross regional domestic product per capita reached 186.3 million VND, or approximately 7,711 US dollars.

2. State Budget Revenue and Expenditure, Banking, and Insurance

In 2024, total state budget revenue in the city was estimated at 508,553 billion VND, an increase of 13.3% compared to 2023. Of this, domestic revenue was estimated 356,840 billion VND, accounting for 70.17% of total revenue and rising by 17.6%. Revenue from balance of state budget on export and import activity reached 129,600 billion VND, accounting for 25.5% and up by 7.0%. State budget expenditure in local area was projected at

173,289 billion VND, an increase of 20.8% year-on-year. Expenditure on investment development was 89,595 billion VND, up by 28.3%, and frequent expenditures were 82,532 billion VND, up by 13.7%.

The local banking sector continued to implement comprehensive measures to ensure stable credit growth and support economic recovery and development. Credit institutions focused on rescheduling debt repayments, maintaining debt classifications for struggling businesses, improving service quality, modernizing technological infrastructure, and ensuring the safety and security of banking transactions. By December 31, 2024, total mobilized capital from credit institutions in the city was estimated at 4,081.5 trillion VND, up by 15.3%, with Vietnamese dong deposits was 3,650 trillion, up by 11.7%. Total outstanding loans reached 3,943 trillion VND, up by 11.3%. Short-term loans were estimated at 1,869.4 trillion VND, accounting for 47.4% of total loans and increasing by 10.1%. Medium to long-term loans were 2,073.6 trillion VND, accounting for 52.6% and up by 12.5%.

Total insurance revenue in 2024 reached 95,101 billion VND, an increase of 10.5% over the previous year. Social insurance revenue was 70,958 billion VND, up by 10.0%. Health insurance revenue was 18,413 billion VND, up by 13.5%. Unemployment insurance revenue was 5,731 billion VND, up by 7.7%. Meanwhile, total insurance expenditures amounted to 65,860 billion VND, rising by 11.8%. This included 35,358 billion for social insurance, up by 13.1%; 25,510 billion for health insurance, up by 12.5%; and 4,992 billion for unemployment insurance, up by 0.4%.

3. Investment

Total investment at current prices in 2024 was estimated at 397,964 billion VND, equivalent to 22.4% of the city's GRDP. The state sector reached 96,085 billion VND, accounting for 24.1%; the non-state sector contributed 258,255 billion VND, making up 64.9%; the foreign-invested sector provided 43,624 billion VND, accounting for 11%. At 2010 constant prices, total social investment reached 256,373 billion VND, representing an 8.2 percent increase compared to 2023. Of this, the state sector contributed 61,571 billion VND, an increase of 10.5 percent; the non-state sector contributed 166,266 billion VND, rising by 9 percent; and the foreign direct investment sector reached 28,536 billion VND, a slight decrease of 0.4 percent.

Regarding foreign direct investment, total newly registered capital, adjusted capital, and contributed capital for share purchases reached 3.041 billion US dollars in 2024, decreasing by 49.2% from the previous year. This included 1,416 newly licensed projects with registered capital of 511 million US dollars, representing a 14.7% increase in project count but a 19% decrease in capital value. Additionally, 237 projects recorded capital

increases totaling 1.020 billion US dollars. There were also 2,418 cases of capital contributions or share purchases by foreign investors, with a combined value of 1.510 billion US dollars.

4. Price Index

In 2024, the city continued to implement its Market Stabilization Program, closely monitoring price developments to ensure the smooth supply and distribution of goods. As a result, prices of goods and services remained stable without significant fluctuations. The average Consumer Price Index for 2024 rose by 3.24% compared to 2023.

Among the eleven commodity groups, one group, post and telecommunications, recorded a decrease of 2.63%, while the remaining ten groups experienced increases. The highest increase was in the education group, which rose by 8.25%, primarily due to rising tuition fees in several institutions. This was followed by the pharmaceutical and healthcare services group, which increased by 7.89%, largely due to adjustments in healthcare service fees under Circular No. 22/2023/TT-BYT, effective from 17 November 2023, and Circular No. 21/2024/TT-BYT, effective from 17 October 2024, issued by the Ministry of Health. The average gold price index in 2024 rose by 19.59%, while the average US dollar price index increased by 4.84% compared to 2023.

5. Result of business production in some sectors

The agriculture, forestry and fishing

In agriculture, forestry, and fisheries, the city continued to promote modern urban agriculture through the application of advanced technologies, focusing on high-value crops and livestock suitable for urbanization. Efforts were made to produce safe and sustainable agricultural products, strengthen regional linkages, and enhance digital transformation in production.

The total crop area was 38,686 hectares, a decrease of 1% from 2023. Annual crops covered 33,539 hectares, an increase of 0.6%, while perennial crops accounted for 5,147 hectares, a decline of 6.3%. Planted area of paddy covered 17,831 hectares, an increase of 11.3%, and orchids were cultivated on 568 hectares, a decrease of 6.2%. Production of paddy reached 97,140 tons, up 12.5%, with a yield of 5.45 tons per hectare, an increase of 1.1%. Production orchid was 53.4 million branches, down 4.4%.

The total livestock population declined due to accelerated urbanization. The buffalo population was 2.2 thousand heads, down 31.3%; cattle numbered 88.7 thousand heads, down 10.1%; pigs totaled 160.6 thousand heads, down 12.6%; and poultry reached 330.8 million heads, down 5.8%. The output of live buffalo meat was 498.5 tons, down 3.8%; live cattle was 8,290.3 tons, down 12.5%; and live pork was 55,771 tons, down 2.5%.

The total fisheries output was 61,556 tons, an increase of 1.8% compared to the previous year. Of this, catching fisheries produced 12,921 tons, accounting for 21% of the total and representing a decrease of 1.9%. Aquaculture was 48,635 tons or 79%, an increase of 2.8%. Shrimp production reached 14,423 tons, up 3.7%; fish output was 16,063 tons, up 3.9%; and other aquatic products totaled 31,069 tons, down 0.1%.

Industry

The industrial production index in 2024 increased by 7.28% year on year. The mining sector grew by 67.53%, manufacturing rose by 6.94%, the supply of electricity, gas, steam, and air conditioning increased by 5.53%, and water supply and waste treatment activities rose by 0.47%. At the two-digit industry level, twenty-two sectors recorded growth. Sectors with notable increases included printing and reproduction of recorded media, up 28.68%; manufacturing of wood and products of wood and cork, up 22.82%; rubber and plastic production, up 22.63%; furniture manufacturing, up 20.28%; production of other non-metallic mineral products, up 13.07%; and chemical production, up 10.37%. Some sectors experienced declines, such as motor vehicle production, which dropped by 31.58%; production of other transportation equipment, which decreased by 23.5%; and basic metal production, which fell by 7.92%.

Trade and Service

Total retail sales of goods and services in 2024 reached 1,206.4 trillion VND, an increase of 10.2% over the previous year. Retail sales contributed 521.9 trillion VND, accounting for 43.3% of the total and rising by 10.2%. Accommodation and food services reached 132.8 trillion VND, making up 11% of the total, and increased by 10.6%. Travel and tourism services generated 36.7 trillion VND, representing 3% of the total and showing a sharp increase of 43.4%. Other services contributed 515 trillion VND, accounting for 42.7%, and grew by 8.3%.

Turnover of transport, storage and transportation supporting services in 2024 was 526.4 trillion VND, an increase of 31.4% compared to 2023. Road transportation generated 91.9 trillion VND, up 12.5%; waterway transport earned 32.6 trillion VND, up 15.7%; and aviation generated 66.3 trillion VND, up 8.9%. Traffic storage activities brought in 20.4 trillion VND and up 2.8%. Other transport activities contributed 312.4 trillion VND, up 50.5%.

The number of passenger transport reached 608.9 million trips, an increase of 0.8%, while the number of passengers traffic was 19,949 million passenger kilometers, up 4.4%. The volume of freight totaled 298.2 million tons, an increase of 10.4%, and the volume of freight traffic reached 174,034.8 million ton kilometers, up 16.5%.

6. Some social issues

Population and labour

The average population in 2024 was 9.54 million, an increase of 0.9% compared to 2023. The urban population accounted for 77.8%, equivalent to 7.43 million people, up 1.2%, while the rural population was 22.2%, or 2.11 million people, up 0.1%. In terms of gender, the male population represented 48.5%, or 4.62 million people, and the female population made up 51.5%, or 4.91 million people. Both increased by 0.9%.

The number of people aged 15 and over who were employed reached 4.75 million, up 1.9% year on year. By economic sector, the state sector accounted for 7.7%, a decrease of 2.8%; the non-state sector comprised 83.7%, an increase of 2.2%; and the foreign-invested sector made up 8.6%, a rise of 3.4%. By industry, the industry and construction sector accounted for 32.9%, an increase of 0.8%, and the service sector comprised 65.9%, up 2.6%.

The unemployment rate among the working-age population was 3.40%. In urban areas, it was 3.42%, and in rural areas, 3.34%. The underemployment rate among the working-age population was 1.06%, including 1.23% in urban areas and 0.50% in rural areas.

In 2024, the average monthly income per capita at current prices was 7.106 million VND, an increase of 9% compared to 2023. Living standards continued to improve, and social welfare policies remained effective.

Social order and safety

The city recorded 1,462 traffic accidents in 2024, a decrease of 4.9% compared to 2023, resulting in 475 deaths, down 20.7%. There were 437 incidents of fire and explosion, down 11.4%, causing 16 deaths, an increase of 45.5%, and 21 injuries, up 75%. Total property damage due to fire and explosions was estimated at 12.1 billion VND, up 37.5% year on year.

In summary, Ho Chi Minh City experienced stable growth and recovery in 2024 with many positive outcomes. The gross regional domestic product grew by 7.17%, the industrial production index increased by 7.28%, total retail sales rose by 10.2%, and the consumer price index remained well-controlled at 3.24%. These achievements were the result of firm and well-coordinated actions undertaken by the entire political system. Economic activities remained stable, providing the impetus to resolve difficulties faced by both the population and the business community. Key sectors took the lead in adopting scientific and technological innovations, advancing digital transformation, and expanding the use of non-cash payment methods. The living standards of the people continued to improve, employment and social security were ensured, and vibrant cultural and sports activities enriched public life and attracted tourists to the city.